

Số: 30/2026/QĐST-

HNGĐ

Phú Thọ, ngày 05 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 18/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: chị Hà Thị D, sinh năm 1992.

Địa chỉ: xóm X, xã Y, tỉnh Phú Thọ.

Số CCCD: 038192030783, do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/6/2021

Bị đơn: anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1987.

Địa chỉ: xóm Xám, xã Yên Thủy, tỉnh Phú Thọ

Số CCCD: 017087002731, do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/4/2023

Căn cứ vào các Điều 212; Điều 213; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Hà Thị D và anh Bùi Văn Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Về con chung: chị D và anh Đ đều thừa nhận có 01 con chung tên là Bùi Thiên D1, sinh ngày 21/01/2019. Khi ly hôn chị D và anh Đ nhất trí thỏa thuận:

Giao con chung là Bùi Thiên D1 cho chị D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Đ có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị D chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2.2/ Về tài sản chung: chị D và anh Đ cùng nhất trí không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

2.3/ Về công nợ chung: chị D và anh Đ cùng nhất trí không có, không yêu cầu pháp luật giải quyết.

2.4/ Về án phí: chị D tự nguyện nộp 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0000434 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ chị D đã nộp 300.000 đồng, nay chị D được hoàn lại 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 17-Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Yên Thủy, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Vũ Hải Dương